

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc
và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BTNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1001/TTr-SNN&MT ngày 12 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo

Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình;

b) Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, NN7(PMD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

QUY ĐỊNH

Một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
2. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, hoạt động đo đạc và bản đồ quốc phòng.
3. Các quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Nguyên tắc trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu, hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính, hồ sơ quản lý nhà nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký duyệt, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đủ điều kiện đưa vào sử dụng.
2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu giao nộp để lưu trữ, quản lý, khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

1. Bản đồ địa chính
 - a) Đo đạc lập mới bản đồ địa chính, đo đạc lập lại bản đồ địa chính, đo đạc

bổ sung bản đồ địa chính, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính; đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác có sử dụng ngân sách nhà nước, trừ trường hợp chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện thường xuyên theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thì phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; Điều 9 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật về đo đạc lập bản đồ địa chính. Thiết kế kỹ thuật - dự toán, gồm các nội dung chính sau:

Sự cần thiết;

Cơ sở pháp lý;

Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ;

Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất của địa phương nơi thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính;

Tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tài liệu đo đạc và bản đồ, gồm bản đồ địa chính, trích đo bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, tài liệu ảnh, các loại tài liệu, bản đồ khác và hồ sơ địa giới đơn vị hành chính;

Hiện trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính của cơ quan có chức năng quản lý đất đai của địa phương và các đơn vị trực thuộc nếu có;

Xác định khối lượng từng hạng mục công việc;

Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

Dự toán kinh phí;

Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện;

Đóng gói, giao nộp sản phẩm;

Tổ chức thực hiện.

b) Số hóa, chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính; trích đo bản đồ địa chính được thực hiện riêng đối với từng thửa đất hoặc nhiều thửa đất trong phạm vi một mảnh trích đo bản đồ địa chính theo tỷ lệ cần thành lập đối với nơi chưa có bản đồ địa chính, có sử dụng ngân sách nhà nước thì lập phương án nhiệm vụ. Nội dung chính của phương án nhiệm vụ bao gồm:

Căn cứ lập phương án nhiệm vụ;

Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ;

Xác định khối lượng từng hạng mục công việc;

Giải pháp kỹ thuật thực hiện. Đối với trường hợp trích đo bản đồ địa chính thì trong phương án nhiệm vụ phải có giải pháp biên tập mảnh bản đồ địa chính có thửa đất trích đo và mảnh trích đo bản đồ địa chính;

Kinh phí thực hiện;

Ký xác nhận sản phẩm, đóng gói, giao nộp;

Tổ chức thực hiện.

c) Hoạt động trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính riêng đối với từng thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất mà không sử dụng ngân sách nhà nước thì theo hợp đồng dịch vụ.

2. Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác

a) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác do các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước thì lập thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

Sự cần thiết phải đo đạc, lập bản đồ;

Cơ sở pháp lý;

Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội nơi thực hiện dự án đo đạc lập bản đồ;

Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ trong phạm vi thực hiện dự án, công trình; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc và bản đồ, tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án đo đạc và bản đồ của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý địa phương;

Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

Tổ chức thực hiện;

Dự toán kinh phí;

Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

b) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác thực hiện theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước thì lập phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ. Nội dung chính của phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ bao gồm:

Tóm tắt yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;

Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;

Kinh phí thực hiện.

Điều 5. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính, các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác sử dụng ngân sách nhà nước

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định nội dung thiết kế kỹ thuật trong thiết kế kỹ thuật - dự toán.

b) Sở Tài chính hoặc Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định nội dung dự toán kinh phí trong thiết kế

kỹ thuật - dự toán theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

2. Thẩm định phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực để thẩm định phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ. Kết quả thẩm định là cơ sở để phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí.

3. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ

a) Các dự án đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đo đạc và bản đồ do cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt hoặc chủ đầu tư phê duyệt theo ủy quyền của cơ quan quyết định đầu tư.

b) Các dự án đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt phương án đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

Điều 6. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14.

2. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT và Điều 14 Thông tư số 24/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; đối với đo đạc, thành lập bản đồ địa chính và các bản đồ khác phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai được thực hiện theo Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 7. Xác nhận bản đồ

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường ký xác nhận các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm:

a) Bản đồ địa hình, bản đồ khảo sát hiện trạng các tỷ lệ nhằm phục vụ cho các mục đích: lập quy hoạch đô thị và nông thôn (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật); quy hoạch tổng mặt bằng, cung cấp thông tin quy hoạch, chấp thuận địa điểm, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc); thăm dò khai thác khoáng sản; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi;

b) Ký xác nhận bản đồ theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP. Cụ thể:

Bản đồ địa chính, bản đồ thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Bản đồ chuyên đề.

2. Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các khu vực kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính theo thẩm quyền, trừ các trường hợp sau:

a) Thuộc thẩm quyền kiểm tra, ký duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

b) Trường hợp trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 226/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

4. Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 17 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Cụ thể như sau:

a) Bản đồ phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

b) Bản đồ thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất.

Điều 8. Giao nộp, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị thực hiện giao nộp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời giao nộp 01 (một) bộ tài liệu, sản phẩm (in trên giấy và sản phẩm dạng file số lưu trữ trên thiết bị lưu trữ theo quy chuẩn của từng loại sản phẩm chuyên ngành) cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp, kết nối vào hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ của tỉnh.

2. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14; Nghị định số 27/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ; Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đang có hiệu lực thi hành.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

4. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật

Nhà nước độ mật, tối mật cho cơ quan, tổ chức, công dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước và pháp luật có liên quan.

5. Đối với sản phẩm bản đồ địa chính, tại các khu vực đã có bản đồ địa chính hoặc bản trích đo địa chính thì phải sử dụng bản đồ này để đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai. Trong trường hợp bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính đã có mà có biến động thì thực hiện đo đạc chỉnh lý, đo bổ sung hoặc đo vẽ lại khu vực bị biến động theo quy định để sử dụng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định, quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá hoặc điều chỉnh, bổ sung bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đối với danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ đã được Bộ chủ quản ban hành hoặc tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ mà Bộ chủ quản không ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trước khi ban hành bộ đơn giá;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm, dự án về đo đạc, bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc, bản đồ của các Bộ, ngành khác;

d) Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trong chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch 05 năm, hằng năm phù hợp với kế hoạch tổng thể đã được phê duyệt; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dữ liệu địa chính, dữ liệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất, dữ liệu bản đồ chuyên ngành về khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc, bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc, bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc, bản đồ;

e) Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công các dự án đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 5 của Quy định này;

g) Xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

h) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định;

i) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc, bản đồ do Bộ chủ quản bàn giao;

k) Phối hợp hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan trong việc lập, quản lý hồ sơ địa giới đơn vị hành chính và giải quyết tranh chấp, vướng mắc về địa giới đơn vị hành chính các cấp (nếu có);

l) Chủ trì tổ chức thành lập, cập nhật bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp xã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh khi có sự thay đổi liên quan đến đơn vị hành chính; gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường một bộ bản sao dữ liệu dạng số và một bộ bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp xã in trên giấy trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hành;

m) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; đề xuất việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

n) Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định;

o) Hướng dẫn hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, Ban, ngành có liên quan

a) Quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý;

b) Chịu trách nhiệm lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ chuyên ngành sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền;

c) Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo định mức kinh tế - kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của Bộ, ngành chủ quản;

d) Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành quản lý;

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trong chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch 05 năm, hằng năm phù hợp với kế hoạch tổng thể đã được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dữ liệu bản đồ chuyên ngành theo nội dung của Bộ, ngành chủ quản;

e) Báo cáo hoạt động đo đạc, bản đồ hằng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 58 Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP, khoản 7 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, Điều 37 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

a) Xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này.

b) Bảo vệ mốc đo đạc quốc gia, mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành; ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình hạ tầng đo đạc tại địa phương;

c) Phối hợp với các chủ đầu tư để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông, dự án đo đạc và bản đồ theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

đ) Quyết định đầu tư các dự án đo đạc lập, đo đạc bổ sung, đo đạc lại, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

e) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc đo đạc lập bản đồ địa chính và quản lý, sử dụng, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính tại địa phương;

g) Chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm theo phân cấp trong việc đo đạc lập bản đồ địa chính; quản lý, sử dụng, chỉnh lý biến động, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính tại địa phương;

h) Hằng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ; về việc đo đạc lập bản đồ địa chính và việc quản lý, sử dụng, chỉnh lý biến động, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính tại địa phương; tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tuân thủ các quy định tại Quy định này và pháp luật có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.
2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công dự án đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình hạ tầng đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình theo quy định.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình hạ tầng đo đạc theo quy định của pháp luật.
4. Các tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh thực hiện gửi báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ hằng năm về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP.
5. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.
6. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản, đình chỉ phát hành hoặc thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

Đối với các dự án, công trình, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ đã được duyệt, thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành mà có hạng mục công việc đã thực hiện và sản phẩm đã được kiểm tra nghiệm thu cấp đơn vị thi công thì tiếp tục thực hiện nội dung công việc đó theo thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại theo Quy định này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản pháp luật mới thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
2. Quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh các vấn đề mới thì các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn theo thẩm quyền và tổng hợp, báo cáo các nội dung vượt thẩm quyền để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.